TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **398/**2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 24/10/2018.
V/v: "Không công nhận vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*:** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh .

- ***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà Nguyễn Thị Nhạn - Cán bộ hưu trí.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan - Nguyên phó chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:*** Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

***

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai thụ lý số: 1329/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về việc "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 678/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/10/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 2025/14/3, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Cao Hiệp P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 187A, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2018, bản tự khai và trong quá trình làm***

việc, nguyên đơn bà Trần Thị Kim L trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Cao Hiệp P chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Cao Hiệp P ngoại tình. Bà và ông P đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà với ông Cao Hiệp P.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

**** Bị đơn ông Cao Hiệp P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông P.***

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật thừa nhận. Nay bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà và ông P. Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội X; Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Đề nghị Tòa án không công nhận bà Trần Thị Kim L và ông Cao Hiệp P là vợ chồng.

Về con chung: không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông P nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.**

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Cao Hiệp P có nơi cư trú tại 187A, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông P đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông P theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim L và ông Cao Hiệp P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch". Bà L và ông P chung sống với nhau nhưng hôn nhân này không được pháp luật thừa nhận. Nay bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà và ông P. Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội X; Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp không công nhận bà Trần Thị Kim L và ông Cao Hiệp P là vợ chồng.

Về con chung: không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông P nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 16, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội X, Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử**:* Chấp nhận đơn yêu cầu "không công nhận vợ chồng" của bà Trần Thị Kim L.

1. Về quan hệ hôn nhận: Không công nhận bà Trần Thị Kim L và ông Cao Hiệp P là vợ chồng.

2. Về con chung: không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông P nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 007538 ngày 30/5/2018.

5. Bà Trần Thị Kim L và ông Cao Hiệp P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKS TP Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Hạnh